

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết Luận số 372-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về tăng cường giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 5/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Đề án tăng cường giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tị Tờ trình số 2291/TTr-SLĐTBXH ngày 17/11/2022,

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong phát triển nguồn nhân lực để tranh thủ thời cơ dân số vàng, hình thành nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra.

2. Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; quan tâm đầu tư, đẩy mạnh liên kết với các tỉnh và hợp tác quốc tế để phát triển các ngành, nghề đào tạo đạt trình độ của khu vực, tiến tới trình độ ASEAN.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp bám sát nhu cầu của thị trường lao động gắn kết với việc làm thỏa đáng, an sinh xã hội và phát triển bền vững, bao trùm; phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của người học; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

4. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong ngân sách giáo dục - đào tạo và trong các chương trình, dự án của ngành, địa phương; tăng cường xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp.

5. Phát triển giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dân; được chú trọng trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp (GDNN), đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng lao động qua đào tạo nghề, tăng cường hợp tác đào tạo giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hoạt động GDNN.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Thu hút từ 40 - 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 10% lực lượng lao động. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 30%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 20%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 50%.

- Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phân đầu 90% nhà giáo đạt chuẩn, khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phân đầu khoảng 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

- Phân đầu thu hút đầu tư thêm 02 trường trung cấp; thu hút các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín mở phân hiệu, điểm đào tạo tại tỉnh.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tiếp tục thực hiện thu hút 40 - 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 40%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 25%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 70%.
- Ít nhất 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.
- Phấn đấu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.
- Phấn đấu khoảng 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.
- Phấn đấu có 01 trường chất lượng cao; có chương trình đào tạo hợp tác quốc tế.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao; trở thành địa phương phát triển về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực Đông Nam Bộ, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo so với các tỉnh trong khu vực.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu Kế hoạch, cần thực hiện đồng bộ 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó “Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo” và “Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp” là giải pháp đột phá. Cụ thể:

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tăng cường công tác GDNN

- Triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia;
- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được công nhận là trường chất lượng cao; cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề cho các đối tượng đặc thù, lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù và đào tạo nghề chất lượng cao.
- Ban hành cơ chế, chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồng thời bảo đảm yếu tố bình đẳng giới.
- Trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khi có hướng dẫn của Trung ương như: thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, sức khỏe...; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù như người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động nữ, lao động di cư, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bộ đội xuất ngũ, người mãn hạn tù tái hòa nhập cộng đồng...; chính

sách về bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên và người lao động qua đào tạo nghề nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, ban hành chính sách hỗ trợ học sinh tham gia học nghề nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GDNN

- Đẩy mạnh dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo.

- Đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực, phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp.

- Giao chỉ tiêu về giáo dục nghề nghiệp cho UBND cấp huyện hằng năm và giai đoạn; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo chỉ tiêu thực hiện thực chất và hiệu quả.

- Tăng cường, đổi mới, đa dạng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động.

3. Tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp, truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

- Tổ chức ngày hội tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho học sinh sau trung học phổ thông và trung học cơ sở hằng năm.

- Hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, đồng thời nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, kênh, sóng riêng về giáo dục nghề nghiệp, phát thanh tại khu vực nông thôn, bảo đảm thông tin tin cậy, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp quốc gia về giáo dục nghề nghiệp, ngày kỹ năng lao động Việt Nam, tuần lễ kỹ năng nghề... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ động tham gia, định hướng các mạng xã hội về giáo dục nghề nghiệp bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở

giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học; hình thành mạng xã hội giáo dục nghề nghiệp mở.

4. Tái cấu trúc mạng lưới giáo dục nghề nghiệp, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

- Hoàn thành, phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án Tăng cường giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025; Đề án Tái cấu trúc phát triển Trường Cao đẳng Bình Phước giai đoạn 2022 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; Đề án tái cấu trúc các Trung tâm GDNN-GDTX.

- Xây dựng và thực thi cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng vùng, địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Đẩy nhanh chuyển đổi số, tăng cường điều tra, khảo sát, thu thập thông tin thị trường lao động

a) Đẩy nhanh chuyển đổi số

- Chuyển biến căn bản nhận thức và nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các cấp độ trong giáo dục nghề nghiệp. Đề xuất chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số tình đầu tư phát triển các nền tảng số.

- Phát triển kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo, dùng chung toàn ngành và liên kết cả nước. Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường ở những ngành, nghề phù hợp.

b) Tăng cường điều tra, khảo sát thu thập thông tin thị trường lao động.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch điều tra, khảo sát thông tin thị trường lao động.

- Thường xuyên cập nhật hoàn thiện phần mềm cung cầu lao động tại các địa phương và doanh nghiệp

c) Hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị

- Cập nhật, chỉnh sửa, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm đúng tiêu chuẩn của của Bộ, ngành trung ương; định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho các ngành, nghề theo các cấp độ và trình độ đào tạo.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

d) Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

- Xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam có tham chiếu các chuẩn khu vực và quốc tế. Đổi mới quy trình, phương pháp phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông dựa trên mô đun, tín chỉ và các quy đổi tương đương, đáp ứng chuẩn đầu ra và khối lượng học tập tối thiểu. Phát triển chương trình đào tạo các ngành, nghề mới, ngành, nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng tương lai và các chương trình đào tạo cho người lao động trong các doanh nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học ở trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nền kinh tế số và phát triển bền vững, bao trùm trong giáo dục nghề nghiệp.

6. Nghiên cứu chuyên giao công nghệ, chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Gắn hoạt động đào tạo với chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp giáo dục nghề nghiệp tại các vùng.

- Đẩy mạnh đàm phán, ký kết chương trình hợp tác với đối tác quốc tế, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt nam trong việc hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Khuyến khích cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong việc tiếp nhận chuyên gia chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên

7. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

- Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hàng năm. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong các chương trình, dự án của ngành, địa phương.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ Trường Cao đẳng Bình Phước, đặc biệt thực hiện chức năng đào tạo và thực hành.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng và số lượng đầu ra.

8. Quảng bá, xúc tiến - thu hút đầu tư, xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng chính sách, cơ chế ưu đãi để thu hút nhà đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư hoặc lồng ghép trong các hội xúc tiến đầu tư của tỉnh qua các buổi tọa đàm, hội thảo, thảo luận nhằm thu hút nhà đầu tư trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông để truyền tải đầy đủ, kịp thời hoạt động, thông tin, hình ảnh của giáo dục nghề nghiệp tới toàn thể xã hội, thúc đẩy thay đổi nhận thức của xã hội, từ đó huy động mọi nguồn lực của xã hội tham gia vào các hoạt động của giáo dục nghề nghiệp ...

9. Tăng cường hợp tác các tỉnh trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Xây dựng chương trình hợp tác giữa tỉnh Bình Phước với một số tỉnh về phát triển nguồn nhân lực, trong đó có giáo dục nghề nghiệp, kết nối nhu cầu đào tạo nghề của các tỉnh với cơ sở giáo dục trong tỉnh. Ký kết chương trình hợp tác tuyển sinh, đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh và các tỉnh lân cận đặc biệt là đào tạo theo đặt hàng, qua đó cung ứng nguồn lao động có chất lượng cho doanh nghiệp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình, Dự án, Kế hoạch (nếu có).

2. Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách; lồng ghép với nguồn kinh phí chuyên môn đã được bố trí trong dự toán giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ.

3. Nguồn thu học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn xã hội hóa từ doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức.

5. Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về giáo dục nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch; đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp các ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn Giáo dục nghề nghiệp có vai trò về tư vấn chính sách, khuyến nghị và điều phối, xây dựng, giám sát các chương trình hỗ trợ đổi mới giáo dục nghề nghiệp của tỉnh.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động tỉnh Bình Phước.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì hoàn thiện hành lang pháp lý để thu hút đầu tư nước ngoài cho giáo dục nghề nghiệp; huy động và cân đối nguồn lực, bố trí vốn đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp.

4. Sở Tài chính: Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý theo phân cấp quản lý ngân sách, thực hiện thẩm định và quyết toán theo quy định.

5. Sở Nội vụ: Chủ trì tham mưu cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược vào kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thanh niên của tỉnh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Ban Dân tộc: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi ở địa phương.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, giám sát hướng dẫn thực hiện giáo dục nghề nghiệp và dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; xây dựng, hướng dẫn các địa phương lập kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp hàng năm và kế hoạch trung hạn gắn với kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, đề xuất các chương trình, đề án, hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đối với giáo dục nghề nghiệp.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Định hướng các cơ quan truyền thông trong tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông về Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh và các hoạt động có liên quan

10. Sở Ngoại vụ: Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xúc tiến các nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN.

11. Đài phát thanh, truyền hình và Báo Bình Phước và các cơ quan thông tấn báo chí: Thực hiện tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

12. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp.

13. Hội Khuyến học tỉnh: Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược vào kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

14. Đề nghị Tỉnh đoàn

- Phối hợp với Sở Nội vụ cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược vào kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thanh niên của tỉnh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

15. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án, đề án, nhiệm vụ 05 năm và hằng năm để phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Đồng thời bố trí nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách địa phương.

Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp ở địa phương. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh.

16. Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị triển khai tuyên truyền và thực hiện có hiệu quả những nội dung liên quan tại Kế hoạch.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án, đề án, nhiệm vụ 05 năm, hằng năm và đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm sát với chức năng nhiệm vụ của đơn vị về tình hình thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định; đồng thời định kỳ theo chức năng, nhiệm vụ đơn vị, báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 30/11 hằng năm (đối với báo cáo hằng năm), đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Chiến lược gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT (Ch-KH51).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh